

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Toàn và bà Lê Thị Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Tô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngọc Văn B**; sinh ngày: 12/10/1973, tại huyện S, tỉnh B; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngọc Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị X (đã chết); có vợ là Vi Thị G (đã ly hôn); có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/7/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Cam Văn B1**; sinh ngày: 01/5/1975 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cam Ngọc X1 (đã chết) và bà Lộc Thị T1 (đã chết); có vợ là Ninh Thị T2; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Bùi Văn T3**; sinh ngày: 30/01/1989 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông: Bùi Văn S và bà Mã Thị X2; có vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: ngày 29/8/2023, bị Công an xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh bạc”, đã nộp xong tiền phạt ngày 07/9/2023; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Cam Thị L**; sinh ngày: 06/4/1976 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cam Ngọc X3 (đã chết) và bà Lộc Thị T4 (đã chết); có chồng là Hoàng Văn L1; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Đặng Thị H**; sinh ngày: 28/10/1993 tại huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Hiệu T5 và bà Triệu Thị N1; có chồng là Hoàng Văn L2; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: ngày 29/8/2023, bị Công an xã Đập Thanh, huyện Ba Chẽ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh bạc”, đã nộp xong tiền phạt ngày 07/9/2023; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Hoàng Văn T6**; sinh ngày: 06/9/1990 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Mạnh H1 và bà Mã Thị L3; có vợ là Hoàng Thị Q; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

7. Họ và tên: **Trần Thị H2**; sinh ngày: 16/10/1962 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Sán Chay; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T7 (đã chết) và bà Hoàng Thị X4; có chồng là Hoàng Văn N2; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

8. Họ và tên: **Nguyễn Xuân Y**; sinh ngày: 12/02/1988 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Giáo viên (đã nghỉ việc); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà Trương Thị L4; có vợ là Hoàng Thị C1; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền

sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

9. Họ và tên: **Đặng Hiệu M**; sinh ngày: 14/7/1974 tại huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn A (đã chết) và bà Triệu Thị M1 (đã chết); có vợ là Triệu Thị B2; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/7/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù, về tội “Giết người”, đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

10. Họ và tên: **Hoàng Văn T8**; sinh ngày: 21/11/1972 tại huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: thôn K, xã L, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn S1 (đã chết) và bà Mễ Thị T9 (đã chết); có vợ là Hà Thị T10; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

11. Họ và tên: **Hà Hùng H3**; sinh ngày: 16/8/1970 tại huyện K, tỉnh T; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện K, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn K và bà Vũ Thị H4; có vợ là Trần Thị Y1; có 01 con, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

12. Họ và tên: **Trần Thị L5**; sinh ngày: 07/3/2000 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Sán Chay; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B2 (đã chết) và bà Lương Thị N3; có chồng là Bùi Văn M2; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

13. Họ và tên: **Hoàng Văn S2**; sinh ngày: 20/10/1985 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn N2 (đã chết) và bà Trần Thị H2; có vợ là Đặng Thị H4; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

14. Họ và tên: **Hoàng Văn L6**; sinh ngày: 13/02/1990 tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Hoàng Văn N2 (đã chết) và bà Trần Thị H2; có vợ là Đặng Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

15. Họ và tên: **Đặng Thị H4**; sinh ngày: 003/10/1988 tại huyện Đ, tỉnh L; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn A (đã chết) và bà Triệu Thị M1 (đã chết); có chồng là Hoàng Văn S2; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; đầu thú ngày 15/6/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

*** Người bào chữa:**

- Bà Nguyễn Thị H5; sinh năm 1955 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị H và Trần Thị H2; có mặt.

- Ông Đào Bá Y2; sinh năm 1966 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, bào chữa cho các bị cáo Cam Văn B1 và Cam Thị L; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Trường tiểu học Đ, huyện B, tỉnh Q; địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: bà Hoàng Thị N3 – Chức vụ: Hiệu trưởng Trường tiểu học Đ, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị N4; sinh ngày: 22/12/1985; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

*** Người chứng kiến:**

- Ông Hoàng Văn M2; sinh ngày: 15/01/1975; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 18/5/2024, Ngọc Văn B, Hoàng Văn T8, Cam Văn B1, Bùi Văn T3, Đặng Hiệu M và Nguyễn Xuân Y ngồi chơi tại quán nước nhà B thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q, một lúc sau Y về điểm Trường tiểu học B thuộc Trường tiểu học xã Đ (nơi công tác trước đó của Y) để nghỉ. Lúc này, T8 khởi xướng rủ B đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền thì B đồng ý rồi B rủ thêm B1, T3 và M cùng chơi, cả nhóm thống nhất sẽ chơi điểm Trường tiểu

học B (thuộc Trường tiểu học Đ, huyện B tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Q). Ngay sau đó, T8 lấy ở quán tạp hóa nhà B và cầm theo 01 bộ bài tú lơ khơ đi đến phòng học Lớp 2 của điểm trường, rồi trải chiếu đã có sẵn trong phòng học để mọi người ngồi đánh bạc. B vào phòng của Y lúc này đang nằm nghỉ hỏi mượn phòng để đánh bạc, mặc dù không được giao quản lý, trông coi, sử dụng, nhưng Y vẫn đồng ý cho B và những người khác đánh bạc tại điểm trường. Tiếp đó, B lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 01 chiếc kéo tại phòng của Y mang đến Phòng học lớp 2 đưa cho T8 cắt 04 quân vị rồi B cắt sửa lại cho tròn rồi Ngọc Văn B, Hoàng Văn T8, Cam Văn B1, Bùi Văn T3 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa”, trong đó B là người cầm cái xóc cho mọi người cùng đánh bạc.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Sử dụng 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân vị (hình tròn, được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt sáng màu, một mặt màu xanh kẻ sọc), sau đó cho 04 quân bài vị vào đĩa rồi dùng bát úp lên để cho người cầm cái xóc và quy định vị trí ngay trước mặt người cầm cái là cửa “chẵn”, vị trí trước mặt bên ngoài vị trí người cầm cái đặt đĩa là cửa “lẻ”, khi mở bát ra nếu thấy 04 quân cùng mặt trắng hoặc 04 quân cùng mặt tối màu hoặc 02 quân trắng, 02 quân tối màu thì tính là chẵn, nếu 01 quân tối màu 03 quân trắng hoặc 03 quân tối màu, 01 quân trắng thì tính là lẻ. Mỗi ván người chơi đặt tiền tùy ý, thấp nhất là 10.000 đồng, không giới hạn số tiền tối đa. Nếu mở bát là lẻ, người chơi cửa lẻ thắng thì người cầm cái sẽ thu tiền ở bên cửa chẵn trả cho những người đặt tiền ở cửa lẻ tương ứng số tiền mà họ đã đặt lúc chưa mở bát, nếu số tiền đặt ở cửa lẻ thấp số tiền ở cửa chẵn thì người cầm cái được nhận số tiền thừa ở cửa chẵn sau khi đã trả cho người chơi ở cửa lẻ; nếu cửa chẵn thắng thì làm ngược lại.

Khoảng 15 phút sau, lần lượt Đặng Hiệu M, Đặng Thị H và Hoàng Văn T6 đến cùng tham gia đánh bạc. Cả nhóm chơi được một lúc, do bài vị bị ướt nên B bảo Y lấy kéo cắt 04 quân vị mới để thay thế 04 quân vị ban đầu. Trong lúc cả nhóm đánh bạc thì Y đến xem, lúc này B bỏ ra 50.000 đồng và thu của B1, T6, H, T8 mỗi người 50.000 đồng, tổng được 250.000 đồng đưa cho Y; T3 trực tiếp đưa cho Y 50.000 đồng để mua nước uống. Khi nhận được tổng số 300.000 đồng, Y đã dùng số tiền này tham gia đánh bạc cùng mọi người. Một lúc sau, có Trần Thị L5 đến tham gia cùng đánh bạc, sau khi thua hết số tiền mang đi L5 bỏ về trước. Tiếp đó Hoàng Văn S2 và Đặng Thị H4 đến tham gia đánh bạc, khi thua hết số tiền mang đi, lần lượt T8, S2 và H4 đi về trước. Tiếp đến Hoàng Văn L6 (chồng của Đặng Thị H) đến, L6 không mang theo tiền, được H đưa cho 200.000 đồng, L6 đã dùng số tiền này để tham gia đánh bạc, khi thua hết tiền L6 đi về nhà trước. Tiếp đó Hà Hùng H3 đến tham gia đánh bạc, khi thua hết tiền H3 cũng đi về trước. Đến khoảng 16 giờ 30 phút thì Cam Thị L và Trần Thị H2 đến và tham gia cùng đánh bạc. Những người còn lại tham gia đánh bạc đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Ba Chẽ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc: số tiền 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị; 01 chiếu nhựa; 01 chiếc kéo và 50 lá bài tú lơ khơ. Thu giữ trên người: B 2.570.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), B1 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), H 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), Y 1.000.000 đồng

(một triệu đồng), T3 1.000.000 đồng (một triệu đồng), L 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng), T6 610.000 đồng (sáu trăm mười nghìn đồng), H2 370.000 đồng (ba trăm bảy mươi nghìn đồng), M 80.000 đồng (tám mươi nghìn đồng) đều là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Ngày 15/6/2024, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Đặng Thị H4, Hoàng Văn L6, Hoàng Văn S2, Trần Thị L5 đến Công an huyện Ba Chẽ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Đặng Thị H, Nguyễn Xuân Y, Bùi Văn T3, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Đặng Hiệu M, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5, Hoàng Văn L6 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, các bị cáo còn khai số tiền mỗi người đã sử dụng để đánh bạc như sau: B 3.100.000 đồng; T8 3.630.000 đồng; B1 5.950.000 đồng; T3 1.950.000 đồng; L 1.190.000 đồng; H 950.000 đồng; T6 750.000 đồng; H2 320.000 đồng; L5 150.000 đồng; H3 100.000 đồng; S2 100.000 đồng; M 90.000 đồng; H4 40.000 đồng; Y dùng số tiền 300.000 đồng mọi người cho để đánh bạc; L6 không mang theo tiền mà được vợ là Đặng Thị H đưa cho 200.000 đồng và đã dùng số tiền này để đánh bạc. Các bị cáo đều khai nhận: khi đánh bạc không có ai tổ chức, phân công, T8 là người khởi xướng và chuẩn bị 01 bộ bài tú lơ khơ, trải chiếu đã có sẵn trong phòng học, B là người lấy bát, đĩa, kéo và là người cầm cái, xóc quân bài vị cho người khác đánh bạc.

Tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai và quan điểm thể hiện: bị cáo Nguyễn Xuân Y là giáo viên của Trường tiểu học Đ nhưng không được giao quản lí, trông coi điểm Trường tiểu học B trực thuộc Nhà trường, ngày 18/5/2024 Y ở lại điểm trường để chấm thi, việc Y đồng ý cho người khác đánh bạc tại điểm trường là do Y tự thực hiện; đối với những tài sản của Nhà trường bị thu giữ bao gồm: kéo, chiếu, bát, đĩa do đã cũ, giá trị nhỏ nên Nhà trường không đề nghị được nhận lại.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa: người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc các bị cáo đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa” thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang; người chứng kiến có lời khai về toàn bộ nội dung sự việc mình đã trực tiếp chứng kiến quá trình cơ quan Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang Ngọc Văn B đánh bạc với những người khác, thu giữ những vật chứng, tài sản nêu trên, phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 418/CT-VKSBC ngày 22 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Đặng Thị H, Nguyễn Xuân Y, Bùi Văn T3, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Đặng Hiệu M, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5 và Hoàng Văn L6, về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Hoàng Văn T8); các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Ngọc Văn B, Hoàng Văn T8 và Đặng Hiệu M mỗi bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Hà Hùng H3, Đặng Thị H4, Hoàng Văn L6, Hoàng Văn S2, Trần Thị L5); các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5 và Hoàng Văn L6 mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Trần Thị L5, Hoàng Văn S2, Hoàng Văn L6 và Đặng Thị H4 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Nguyễn Xuân Y cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Đặng Hiệu M và Hoàng Văn T8 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Hà Hùng H3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt các bị cáo Bùi Văn T3 và Đặng Thị H mỗi bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án (được trừ đi những ngày các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân tú lơ khơ, 01 chiếc kéo kim loại, 01 chiếc nhựa màu xanh, 50 lá bài tú lơ khơ. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 18.620.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Ba Chẽ truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, không sai. Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt.

Bà Nguyễn Thị H5 là người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị H và Trần Thị H2; ông Đào Bá Y2 là người bào chữa cho các bị cáo Cam Văn B1 và Cam Thị L đều trình bày quan điểm: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã miền núi nên nhận thức về pháp luật có phần còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn; bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện, trở thành công dân tốt. Bên cạnh đó, bà Hòa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Đặng Thị H được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an huyện Ba Chẽ, phù hợp với vật chứng, tài sản bị thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: từ khoảng 14 giờ đến 17 giờ 30 ngày 18/5/2024, tại phòng học Lớp 2 thuộc điểm Trường tiểu học B (trực thuộc Trường tiểu học Đ) tại thôn B, xã Đạp T, huyện B, tỉnh Q, Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Đặng Thị H, Nguyễn Xuân Y, Bùi Văn T3, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Đặng Hiệu M, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5, Hoàng Văn L6 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa”, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 18.620.000đ (mười tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) thì bị Công an huyện Ba Chẽ phát hiện, bắt quả

tang, thu giữ vật chứng. Trong đó: Nguyễn Xuân Y là giáo viên Nhà trường, mặc dù Y không được giao trông coi, quản lý điểm Trường tiểu học B nhưng vẫn cho những người khác đánh bạc tại đây và sử dụng số tiền 300.000 đồng do những người đánh bạc cho để tham gia đánh bạc. Như vậy, Y chỉ là đồng phạm với các bị cáo khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ đã truy tố.

[3] Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Các bị cáo tụ tập rủ nhau đánh bạc có tính chất sát phạt tiền bạc của nhau để kiếm lời, không những làm thiệt hại về tài sản của mình và người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, đánh bạc cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Hoàng Văn T8 là người đề xuất, khởi xướng chuẩn bị một phần dụng cụ dùng để đánh bạc; bị cáo Ngọc Văn B là người rủ rê thêm người khác, chuẩn bị dụng cụ đồng thời là người cầm cái, xóc quân bài vị cho các bị cáo khác đánh bạc nên T8 và B có vai trò ngang nhau và cao nhất. Các bị cáo còn lại đều tham gia và thực hiện tội phạm trực tiếp nên có vai trò sau, ngang nhau và cũng phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của mình.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra: các bị cáo Cam Văn B1, Đặng Thị H, Nguyễn Xuân Y, Bùi Văn T3, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5, Hoàng Văn L6 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị

H4, Trần Thị L5, Hoàng Văn L6 sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Ba Chẽ đầu thú; bị cáo Ngọc Văn B có bố đẻ là người có công với Cách Mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Đặng Hiệu M trước khi phạm tội đã tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện vì cộng đồng, cụ thể là ngày 10/3/2024 đã đóng góp 200kg gạo ủng hộ những Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh L, đã được Trưởng thôn C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xác nhận bằng văn bản. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng: các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5, Hoàng Văn L6; áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 cho các bị cáo Bùi Văn T3, Đặng Thị H, Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2; áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 cho các bị cáo Ngọc Văn B và Đặng Hiệu M để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các bị cáo Bùi Văn T3 và Đặng Thị H không có nhân thân tốt, ngày 29/8/2023 đã bị Công an xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức phạt tiền, về hành vi “Đánh bạc” tính đến ngày phạm tội lần này chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy cần thiết phải cách ly các bị cáo T3 và H ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với các bị cáo Ngọc Văn B và Đặng Hiệu M đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, lần này phạm tội ít nghiêm trọng, khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; đối với các bị cáo Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5 và Hoàng Văn L6 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Ngọc Văn B, Đặng Hiệu M, Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hoàng Văn T8, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5 và Hoàng Văn L6 có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo vi phạm

pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 321, các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng, tài sản đã thu giữ: đối với số tiền 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc và 14.570.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các bị cáo, đều là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Đối với: 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân tú lơ khơ, 01 chiếc kéo kim loại, 01 chiếc nhựa màu xanh, 50 lá bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đề nghị được nhận lại tài sản bị thu giữ, đồng thời cũng không có yêu cầu đề nghị gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

[10] Về án phí: Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Hiệu M và Hoàng Văn T8 đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Xét yêu cầu của các bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Hoàng Văn T8); các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Ngọc Văn B, Hoàng Văn T8 và Đặng Hiệu M phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Ngọc Văn B 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T8 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đặng Hiệu M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo Hà Hùng H3, Đặng Thị H4, Hoàng Văn L6, Hoàng Văn S2, Trần Thị L5); các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hà Hùng H3, Hoàng Văn S2, Đặng Thị H4, Trần Thị L5 và Hoàng Văn L6 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Cam Văn B1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Y 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Cam Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T6 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hà Hùng H3 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị H4 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị L5 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L6 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Trần Thị L5, Hoàng Văn S2, Hoàng Văn L6 và Đặng Thị H4 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Nguyễn Xuân Y cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Đặng Hiệu M và Hoàng Văn T8 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Hà Hùng H3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T3 và Đặng Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T3 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án (được trừ đi những ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024).

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án (được trừ đi những ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 18/5/2024 đến ngày 19/6/2024).

4. Căn cứ vào: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân tú lơ khơ, 01 chiếc kéo kim loại, 01 chiếc nhựa màu xanh, 50 lá bài tú lơ khơ. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 18.620.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng, hiện đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện B, theo Biên bản giao nhận tài sản số 01/2024/BBBG - CQCSĐT lập ngày 29/5/2024, giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ với Kho bạc Nhà nước huyện B).

Tình trạng những vật chứng, tài sản nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 23/8/2024 giữa Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

6. Căn cứ vào: Điều 121; Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Nguyễn Xuân Y, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Đặng Hiệu M.

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Hoàng Văn T8, Đặng Thị H4, Hoàng Văn L6, Hoàng Văn S2, Trần Thị L5, Hà Hùng H3.

Tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Bùi Văn T3 và Đặng Thị H cho đến khi đi thi hành án.

7. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm của mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cho các bị cáo Đặng Hiệu M và Hoàng Văn T8.

Buộc các bị cáo: Ngọc Văn B, Cam Văn B1, Đặng Thị H, Nguyễn Xuân Y, Bùi Văn T3, Cam Thị L, Hoàng Văn T6, Trần Thị H2, Hà Hùng H3, Đặng Thị H4, Hoàng Văn L6, Hoàng Văn S2, Trần Thị L5, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Căn cứ vào: các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an H. Ba Chẽ;
- Chi cục THADS huyện Ba Chẽ;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyền